

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3563/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 26 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung,
xã Cát Tiến, (diện tích 11,46 ha) tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát
của UBND huyện Phù Cát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3499/STNMT-CCBVMТ ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát của UBND huyện Phù Cát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến (diện tích 11,46 ha) tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1903/UBND-BQL ngày 15/9/2023 của UBND huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1147/TTr-STNMT ngày 21/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến (diện tích 11,46 ha) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3797/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông suối ông Sung, xã Cát Tiên, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị trấn Cát Tiên;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG SUỐI ÔNG SUNG,
XÃ CÁT TIẾN (DIỆN TÍCH 11,46 HA) TẠI THỊ TRẤN CÁT TIẾN,
HUYỆN PHÙ CÁT CỦA UBND HUYỆN PHÙ CÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến (diện tích 11,46 ha).
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Cát.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích: 11,46 ha (bao gồm: Dự án trước đây với diện tích 9,74 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 3797/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và phần mở rộng với diện tích 1,72 ha).
- Quy mô: gồm 331 lô đất ở với dân số khoảng 1.324 người.

STT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng	589,50	0,52
2	Đất thương mại - dịch vụ	6.970,9	6,08
3	Đất xây dựng nhà ở	43.661,6	38,02
4	Đất công viên cây xanh	4.631,5	4,04
5	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác	58.741,1	51,26
Tổng cộng		114.594,6	100,00

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền 331 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 43.661,6 m², đất công trình công cộng 589,50m², đất dịch vụ thương mại 6.970,9 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát và xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 Bể tự hoại 05 ngăn cải tiến, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (kết cấu bằng bê tông cốt thép, dung tích khoảng 100 m³, có hạng mục xử lý mùi hôi).

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 4.631,5 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1.781,5 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 118 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi

công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 34,8 - 58 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ thải phát sinh với khối lượng khoảng 316,62 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 5,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.059,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 100 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, dầu thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích khoảng 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ bố trí các tuyến cống BTCT có đường kính từ D600 - D1200 để thu gom nước mưa thoát về suối Ông Sung phía Tây dự án.

- Nước thải sinh hoạt

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

- + Giai đoạn 1: Khi dân cư chưa lấp đầy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh dưới 50 m³/ngày, nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn về bể tự hoại 5 ngăn cải tiến có dung tích 100 m³ đặt tại phía Đông Nam dự án để xử lý trước khi xả thải bằng đường ống HDPE D400 vào suối phía Nam, cách dự án khoảng 1000 m tại vị trí có tọa độ (1.541.854; 606.158), phương thức xả thải là bơm cưỡng bức.

- + Giai đoạn 2: Khi lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ 50 m³/ngày trở lên và hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực chưa xây dựng hoàn thiện thì đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 120 m³/ngày.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân) → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng. Nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với K = 1 trước khi xả thải bằng đường ống HDPE D400 vào suối phía Nam, cách dự án khoảng 1000 m tại vị trí có tọa độ (1.541.854; 606.158), phương thức xả thải là bơm cưỡng bức.

- + Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng hoàn thiện thì bể tự hoại cải tiến 05 ngăn hoặc hệ thống xử lý nước thải của dự án tự được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.
- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.
- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Chất thải rắn xây dựng:
 - + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.
 - + Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp vào diện tích cây xanh của dự án, không vận chuyển đổ thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.
- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công

của Công trình để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Về thoát nước mưa: Ở phía Nam bố trí tuyến ống D800 dài 96,5 m, đầu nối hố ga hiện trạng đường BN1 để đảm bảo thoát nước khu vực dân cư hiện trạng.

- Về thoát nước thải: Bố trí các đoạn ống chờ thu nước thải từ các vị trí khu dân cư giáp dự án phía Nam và Tây dự án bằng ống nhựa PVC D114.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Khu vực khu dân cư hiện trạng phía Bắc Dự án (toạ độ: 1.542.796; 606.728).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/ lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.